

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Minh Tiến

2. Ngày tháng năm sinh: 23/07/1986; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): D502, chung cư Phúc Hưng 2, phường Bần Yên Nhân, TX. Mỹ Hào, Hưng Yên

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): D502, chung cư Phúc Hưng 2, phường Bần Yên Nhân, TX. Mỹ Hào, Hưng Yên

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0983860318;

E-mail: minhthienhy@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 11,2009 đến tháng, năm 10,2010: Giảng viên tập sự Khoa Công nghệ Thông tin tại Trường Đại học SPKT Hưng Yên

Từ tháng, năm 11,2010 đến tháng, năm 11,2011: Giảng viên Khoa Công nghệ Thông tin tại Trường Đại học SPKT Hưng Yên

Từ tháng, năm 12,2011 đến tháng, năm 07,2014: Giảng viên khoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học SPKT Hưng Yên; Học cao học tại Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Từ tháng, năm 08,2013 đến tháng, năm 01,2014: Giảng viên Khoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học SPKT Hưng Yên; Thực tập sinh tại Viện tin học quốc gia Nhật Bản

Từ tháng, năm 08,2014 đến tháng, năm 03,2015: Giảng viên Khoa Công nghệ Thông tin tại Trường Đại học

SPKT Hưng Yên

Từ tháng, năm 04,2015 đến tháng, năm 03,2018: Giảng viên Khoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học SPKT Hưng Yên; học Tiến sĩ tại Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật Bản, Nhật Bản

Từ tháng, năm 04,2018 đến tháng, năm 06,2022: Giảng viên Khoa Công nghệ Thông tin tại Trường Đại học SPKT Hưng Yên

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Công nghệ Thông tin, Đại học SPKT Hưng Yên

Địa chỉ cơ quan: Dân Tiến, Khoái Châu, Hưng Yên

Điện thoại cơ quan: 02213689888

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng DH [3] ngày 15 tháng 06 năm 2009, số văn bằng: A338169, ngành: Công nghệ Thông tin, chuyên ngành: Công nghệ Thông tin; Nơi cấp bằng DH [3] (trường, nước): Trường Đại học SPKT Hưng Yên, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 20 tháng 10 năm 2014, số văn bằng: QM 018454, ngành: Công nghệ Thông tin, chuyên ngành: Công nghệ Thông tin; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

- Được cấp bằng TS [5] ngày 23 tháng 03 năm 2018, số văn bằng: DI-397, ngành: Khoa học máy tính, chuyên ngành: Khoa học Thông tin; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật Bản, Nhật Bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu của tôi là Xử lý ngôn ngữ tự nhiên (Natural Language Processing – NLP) và các mô hình học máy (học sâu) để giải quyết các bài toán NLP. Cụ thể, các hướng nghiên cứu của tôi gồm:

- Trích rút thông tin (information extraction): nghiên cứu và đề xuất các mô hình cho bài toán trích rút thông tin.

- Tóm tắt văn bản (text summarization): nghiên cứu và đề xuất các mô cho bài toán tóm tắt văn bản.

- Đánh giá và hiểu văn bản (document assessment and understanding): nghiên cứu và đề xuất các mô hình cho bài toán đánh giá và hiểu văn bản.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 3 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 40 bài báo khoa học, trong đó 9 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Hệ thống tốt thứ hai (the second best system)	Cuộc thi Discovery Challenge: Learning to Re-rank Question for Community Question Answering, European Conference on Machine Learning and Principles and Practice of Knowledge Discovery in Databases (ECML-PKDD)	2016
2	Bài báo tốt nhất (best paper award)	The Eight International Symposium on Information and Communication Technology (SoICT)/ISBN 978-1-4503-5328-1	2017
3	Bài báo tốt nhất (best paper award)	The Workshop on Document Image and Language (DIL, on ICDAR)/eISSN: 978-3-030-86159-9, tổ chức cùng với hội thảo 16th International Conference on Document Analysis and Recognition (ICDAR),	2021

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Về đạo đức, tinh thần, và thái độ công tác: Luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức của người thầy giáo trong nhà trường và ngoài cuộc sống; Luôn trung thực trong giáo dục và trong khoa học; Tích cực hỗ trợ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo của Khoa và Trường.

- Đối với nhiệm vụ học tập và nâng cao trình độ: Không ngừng học tập và nâng cao trình độ về chuyên môn và ngoại ngữ: Đã tham gia học thạc sĩ (2011-2014) tại Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội; thực tập sinh (2013-2014) tại Viện tin học quốc gia Nhật Bản; và học tiến sĩ (2015-2018) tại Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật Bản, Nhật Bản.

- Đối với nhiệm vụ giảng dạy: Tôi đã và đang tham gia giảng dạy một số môn học/học phần trong chương trình đào tạo kỹ sư Công nghệ Thông tin tại Khoa Công nghệ Thông tin, Trường ĐHSPKT Hưng Yên từ năm 2010 tới nay; và hướng dẫn học viên cao học hoàn thành luận văn Thạc sĩ từ năm 2019 đến nay.

- Đối với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học: Tôi đã làm chủ 03 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở (Trường ĐHSPKT Hưng Yên), đã bảo vệ thành công (xuất sắc); là thành viên chính/thành viên của 02 đề tài cấp Bộ Giáo dục Đào tạo, trong đó 01 đề tài đã bảo vệ thành công (mã số B2019-SKH-01). Đã công bố 09 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành và 31 báo cáo khoa học tại hội thảo chuyên ngành quốc tế. Hiện nay chỉ số H-index trên Google scholar của tôi là 10, với tổng số 310 lượt trích dẫn.

- Các hoạt động chuyên môn khác: Tôi đã tích cực tham gia các hoạt động trong cộng đồng học thuật. Tôi thành viên đồng tổ chức các phiên đặc biệt về học sâu cho xử lý ngôn ngữ tự nhiên và các hệ thống thông minh tại các hội thảo quốc tế:

+ 2018 10th IEEE International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE) 2018, ISBN: 978-1-5386-6113-0.

+ The 11th IEEE International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE) 2019, ISBN: 978-1-7281-3003-3.

+ 12th International Conference on Computational Collective Intelligence (ICCCI) 2020, ISBN: 978-3-030-63007-2.

+ Ngoài ra, tôi còn tham gia bình duyệt trên các tạp chí chuyên ngành uy tín (Knowledge-based Systems, ISSN: 0950-7051, SCIE, Q1, IF: 8.139; Engineering Applications of Artificial Intelligence, ISSN: 0952-1976, SCIE, Q1, IF: 6.212; Data & Knowledge Engineering, ISSN: 0169-023X, SCIE, Q2, IF: 1.992; PLOS ONE, ISSN: 1932-6203, SCIE, Q1, IF: 3.240; Applied Intelligence, ISSN: 1573-7497, SCIE, Q2, IF: 5.019, Knowledge and Information Systems, ISSN: 0219-3116, SCIE, Q1, IF: 2.822, Electronic Commerce Research and Applications, ISSN: 1567-4223, SCIE, Q1, IF: 7.266) và hội thảo quốc tế có uy tín (NAACL 2022, CIKM 2022, LREC 2022, CIKM 2021, ISBN: 978-1-4503-8446-9; CIKM 2020, ISBN: 978-1-4503-6859-9; ICCCI 2020, ISBN: 978-3-030-63007-2; PACLIC 2020, Associate Computational Linguistics 2020, paclic-1; PACLING 2019, ISBN 978-

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 7 năm 10 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2010-2011				1	479		479/491/466
2	2011-2012				4	248		248/296/220
3	2014-2015					414		414/414/385
03 năm học cuối								
4	2019-2020			1	11	563		563/728/500
5	2020-2021			1	9	561		561/696/500
6	2021-2022			1	10	557	90	647/827/420

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Nhật Bản năm 2018

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Nam Phong		X	X		05/2019 đến 12/2019	Khoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học SPKT Hưng Yên	26/02/2020

1	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng với UML	GT	NXB Khoa học và kỹ thuật, năm 2022	3	VC	(Chương 2, trang 47-77)	442/XN-ĐHSPKTHY
---	---	----	---------------------------------------	---	----	-------------------------	-----------------

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Nghiên cứu và áp dụng các kỹ thuật học máy cho tóm tắt văn bản	CN	UTEHY.L.2019.53, cấp Cơ sở	01/03/2019 đến 30/12/2019	24/12/2019/ Xuất sắc
2	Nghiên cứu và áp dụng các kỹ thuật học máy cho đánh giá và hiểu văn bản	CN	UTEHY.L.2020.04, cấp Cơ sở	01/03/2020 đến 31/05/2021	30/12/2020/ Xuất sắc
3	Nghiên cứu các kỹ thuật học máy cho bài toán trích rút thông tin	CN	UTEHY.L.2021.08, cấp Cơ sở	01/03/2021 đến 31/08/2022	09/12/2021/ Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	VnLoc: A Real-time News Event Extraction Framework for Vietnamese	5	Không	The Fourth International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE)/ISBN: 978-1-4673-2171-6		7	161-166	08/2012
2	TSum4act: A Framework for Retrieving and Summarizing Actionable Tweets during a Disaster for Reaction	3	Có	19th Pacific-Asia Conference on Knowledge Discovery and Data Mining (PAKDD)/ISBN 978-3-319-18037-3		30	64-75	05/2015

3	Recognizing Textual Entailment in Vietnamese Text: An Experimental Study	5	Có	The Seventh International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE)/ISBN 978-1-4673-8013-3		3	108-113	10/2015
4	Lexical-Morphological Modeling for Legal Text Analysis	4	Không	JSAI International Symposium on Artificial Intelligence/ISBN: 978-3-319-50953-2		18	295-311	11/2015
5	DESRM: A Disease Extraction System for Real-time Monitoring	2	Có	International Journal of Computational Vision and Robotics/eISSN: 1752-914X	Q4 - Scopus IF: 0.625	2	Vol. 5, No. 3, 282-301	08/2015
6	SoRTESum: A Social Context Framework for Single-Document Summarization	2	Có	38th European Conference on Information Retrieval (ECIR)/ISBN 978-3-319-30671-1		4	3-14	03/2016
7	Learning to Rank Questions for Community Answering with Ranking SVM	4	Có	ECML/PKDD 2016 Discovery Challenge: Learning to Re-Rank Questions for Community Question Answering (pre-print version)		5		08/2016

8	SoLSCSum: A Linked Sentence- Comment Dataset for Social Context Summarization	4	Có	25th ACM International on Conference on Information and Knowledge Management (CIKM)/ISBN: 978- 1-4503-4073-1		5	2409- 2412	10/2016
9	Legal Question Answering using Ranking SVM and Deep Convolutional Neural Network	5	Không	Tenth International Workshop on Juris- informatics (JURISIN 2016) associated with JSAI International Symposia on AI (pre-print version)		49		11/2016
10	VSoLSCSum: Building a Vietnamese Sentence- Comment Dataset for Social Context Summarization	5	Có	The 12th Workshop on Asian Language Resources associated with 26th International Conference on Computational Linguistics, Association Coputatonal Linguistics/The COLING 2016 Organizing Committee		4	33-38	12/2016

11	Intra-relation or Inter- relation?: Exploiting Social Information for Web Document Summarization	2	Có	Expert Systems with Applications/ISSN: 0957-4174	Q1 - SCIE IF: 8.665	4	76, 71- 78	01/2017
12	Exploiting User- generated Content to Enrich Web Document Summarization	4	Có	International Journal on Artificial Intelligence Tools/eISSN: 1793- 6349	Q3 - SCIE IF: 1.208		26, 5, 1- 26	10/2017
13	Social Context Summarization using User- generated Content and Third-party Sources	3	Có	Knowledge-Based Systems/ISSN: 0950-7051	Q1 - SCIE IF: 8.139	7	144, 2018, 51-64	03/2018
14	TSix: A Human- involved- creation Dataset for Tweet Summarization	4	Có	The 11th International Conference on Language Resources and Evaluation (LREC), Association Computational Linguistics /(ISBN: 979-10-95546-00-9)		7	3024- 3028	05/2018

15	Exploiting User Posts for Web Document Summarization	4	Có	ACM Transactions on Knowledge Discovery from Data/eISSN: 1556-472X	Q1 - SCIE <i>IF: 4.157</i>	2	12, 4, 49	06/2018
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
16	Learning to Estimate the Importance of Sentences for Multi-document Summarization	4	Có	10th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE)/ISBN 978-1-5386-6113-0		3	31-36	11/2018
17	Towards State-of-the-art Baselines for Vietnamese Multi-document Summarization	4	Có	10th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE)/ISBN 978-1-5386-6113-0		1	85-90	11/2018
18	An Entailment-based Scoring Method for Content Selection in Document Summarization	5	Không	The Ninth International Symposium on Information and Communication Technology (SoICT)/ISBN: 978-1-4503-6539-0		2	122-129	12/2018

19	Web Document Summarization by Exploiting Social Context with Matrix Co-factorization	4	Có	Information Processing & Management/ISSN: 0306-4573	Q1 - SCIE <i>IF: 6.222</i>	13	56, 3, 4950515	05/2019
20	The Repository of Web Document Summarization using Social Information	3	Có	The 11th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE)/ISBN 978-1-7281-3003-3			1-5	10/2019
21	VNDS, A Vietnamese Dataset for Summarization	4	Không	6th NAFOSTED Conference on Information Computer Science (NICS)/ISBN:978-1-7281-5164-9		3	375-380	12/2019
22	Exploiting User Comments for Document Summarization with Matrix Factorization	3	Có	The Tenth International Symposium on Information and Communication Technology (SoICT)/ISBN 978-1-4503-7245-9		3	375-380	12/2019

23	Understanding Transformers for Information Extraction with Limited Data	6	Có	34th Pacific Asia Conference on Language, Information and Computation (PACLIC), Associate Computational Linguistics (2020.paclic-1)		1	478-487	10/2020
24	AURORA: An Information Extraction System of Domain-specific Business Documents with Limited Data	8	Có	Proceedings of the 29th ACM International Conference on Information and Knowledge Management (CIKM)/ISBN: 978-1-4503-6859-9		1	3437-3440	10/2020
25	Transformer-based Summarization by Exploiting Social Information	4	Có	The 12th IEEE International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE)/ISSN: 2164-2508			25-30	11/2020
26	Vietnamese Document Classification using Graph Convolutional Network	4	Không	The 12th IEEE International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE)/ISSN: 2164-2508			171-176	11/2020

27	Sentence compression as Deletion with Contextual Embeddings	4	Có	12th International Conference on Computational Collective Intelligence (ICCCI)/ISBN: 978-3-030-63007-2		2	427-440	11/2020
28	Transformer-based Information Extraction with Limited Data for Domain-specific Business Documents	3	Có	Engineering Applications of Artificial Intelligence/ISSN: 0952-1976	Q1 - SCIE IF: 6.212	8	97, 2021, 104100	01/2021
29	A Span Extraction Approach for Information Extraction on Visual-rich Documents	4	Không	The Workshop on Document Image and Language (DIL, on ICDAR)/eISSN: 978-3-030-86159-9		2	353-363	06/2021
30	Loss-based Active Learning for Named Entity Recognition	4	Không	The International Joint Conference on Neural Networks (IJCNN)/eISSN: 2161-4407	- Scopus		1-8	07/2021

31	Information Extraction of Domain- specific Business Documents with Limited Data	7	Có	The International Joint Conference on Neural Networks (IJCNN)/eISSN: 2161-4407	- Scopus		1-8	07/2021
32	Exploiting Social Networks as a Live Mass Media Channel During Disasters for Reactions	4	Có	International Journal on Artificial Intelligence Tools/eISSN: 1793- 6349	Q3 - SCIE IF: 1.208		Vol. 30, 5, 2150024	08/2021
33	Improving the Readability of Unformatted Text using Multitask Attention Networks	4	Không	The 13th IEEE International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE)/eISSN: 978- 1-6654-9975-0			1-6	11/2021
34	Building a Chatbot for Supporting the Admission of Universities	5	Có	The 13th IEEE International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE)/eISSN: 978- 1-6654-9975-0			1-6	11/2021

35	Robust Deep Reinforcement Learning for Extractive Legal Summarization	7	Không	The 28th International Conference on Neural Information Processing (ICONIP)/ eISBN: 978-3-030-92310-5)		1	597-604	12/2021
36	Label Correlation Based Graph Convolutional Network for Multi-label Text Classification	5	Có	The 2022 International Joint Conference on Neural Networks (IJCNN)			Chấp nhận đăng	07/2022
37	Jointly Learning Span Extraction and Sequence Labeling for Information Extraction from Business Documents	4	Có	The 2022 International Joint Conference on Neural Networks (IJCNN)			Chấp nhận đăng	07/2022
38	Make The Most of Prior Data: A Solution for Interactive Text Summarization with Preference Feedback	7	Không	2022 Annual Conference of the North American Chapter of the Association for Computational Linguistics (NAACL)			Chấp nhận đăng	07/2022

39	Enhance Incomplete Utterance Restoration by Joint Learning Token Extraction and Text Generation	4	Có	2022 Annual Conference of the North American Chapter of the Association for Computational Linguistics (NAACL)			Chấp nhận đăng	07/2022
40	Label-Representative Graph Convolutional Network for Multi-Label Text Classification	6	Không	Applied Intelligence, ISSN: 1573-7497	Q2 - SCIE IF: 5.019		Conditional accepted	08/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 3 ([19] [28] [32])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
----	--	-----------------	--------------------	-----------------------------	------------

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hưng Yên, ngày 29 tháng 06 năm 2022

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)